

Ngày soạn: 22/9/2023	Dạy	Lớp	6A2
		Tiết	
		Tuần	
		Ngày dạy	

## **TIẾT 15 - 16 - BÀI 9: DẤU HIỆU CHIA HẾT**

### **I. Mục tiêu:**

#### **1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được dấu hiệu chia hết, nhận biết một số chia hết cho 2 ; 5 ; 3 ; 9.
- Vận dụng được các dấu hiệu chia hết để nhận biết một số chia hết cho 2 ; 5 ; 3 ; 9 không, xác định, viết ra các số chia hết cho 2 ; 5 ; 3 ; 9 từ các chữ số đã cho, giải một số bài toán có nội dung thực tế.

#### **2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu, nhận biết được dấu hiệu chia hết cho 2 ; 5 ; 3 ; 9.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... để hình thành các dấu hiệu chia hết; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập về chia hết, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

#### **3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

### **II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, ôn tập về phép chia hết và phép chia có dư.

### **III. Tiến trình dạy học:**

#### **Tiết 1:**

#### **1. Hoạt động 1: Mở đầu (3 phút)**

##### **a) Mục tiêu:**

- Gọi động cơ tìm hiểu dấu hiệu chia hết.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện phép tính, tìm số dư trong các phép chia.

**c) Sản phẩm:**

- HS thực hiện được phép chia 2 số tự nhiên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu 3 HS đóng vai 3 bạn Pi, Tròn, Vuông đọc tình huống đầu bài.</li> <li>- Làm sao để tìm số dư của phép chia 71001 cho 9?</li> </ul> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi tìm câu trả lời.</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi một vài bạn hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả.</li> <li>- HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các phép tính.</li> <li>- GV đặt vấn đề vào bài mới: Có cách nào nhanh hơn để tìm ra kết quả như bạn Tròn không?</li> </ul>	<p>Thực hiện phép chia:                      Phân tích: <math>71001 = 9.7889</math>                      Do đó: <math>71001 : 9 = 7889</math>                      Vậy ta có dư của phép chia 71001 cho 9 bằng 0.</p>

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (40 phút)**

**Hoạt động 2.1: Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.

**b) Nội dung:**

- Học sinh đọc SGK phần 1), phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.

- Thực hiện HĐ1, HĐ2 (SGK trang 34) từ đó phát hiện và phát biểu các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5.

- Làm các bài tập: Ví dụ 1, ví dụ 2, luyện tập 1 (SGK trang 34, 35).

**c) Sản phẩm:**

- HS tìm được các số chia hết cho 2, cho 5, các số chia hết cho cả 2 và 5.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân thực hiện HĐ1 và hoạt động nhóm thực hiện HĐ2 (SGK trang 34).</li> </ul> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện các nhiệm vụ trên.</li> <li>- HĐ2 thực hiện theo hình thức nhóm 4 bằng kỹ thuật khăn trải bàn.</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời miệng HĐ1.</li> <li>- Các nhóm treo bảng phụ sản phẩm HĐ2 của nhóm mình, các nhóm khác quan sát và đánh giá.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả.</li> <li>- GV yêu cầu HS rút ra kết luận về số chia hết cho 2, cho 5.</li> </ul>	<p><b>1. Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5:</b></p> <p>Xét số <math>n = \overline{23} * = 230 + *</math></p> <p><b>* HĐ1 (SGK trang 34)</b></p> <p>Số <math>230 = 2.5.23</math> có chia hết cho 2 và 5.</p> <p><b>* HĐ2 (SGK trang 34)</b></p> <p>a) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 2, 4, 6, 8 thì <math>n</math> chia hết cho 2.</p> <p>b) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 5 thì <math>n</math> chia hết cho 5.</p> <p><b>* Ghi nhớ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2 và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.</li> <li>- Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5 và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.</li> </ul>
<p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 1, Ví dụ 2 SGK trang 34, 35.</li> <li>- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 1 SGK trang 35.</li> </ul> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhắc lại tính chất chia hết của một tổng.</li> <li>- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.</li> <li>- Hướng dẫn, hỗ trợ: Chú ý xét từng số trong tổng, hiệu xem có chia hết cho 2 hay 5 không sau đó sử dụng tính chất chia hết của một tổng (GV trình bày lời giải mẫu ở VD 2).</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu 1 HS đọc Ví dụ 1.</li> <li>- GV yêu cầu 4 HS của 4 cặp đôi nhanh nhất lên</li> </ul>	<p><b>* Ví dụ 1 (SGK trang 34)</b></p> <p>a) Các số 1930, 1954 đều chia hết cho 2 vì có chữ số tận cùng là số chẵn.</p> <p>b) Các số 1975, 2021 đều không chia hết cho 2 vì có chữ số tận cùng là số lẻ.</p> <p>c) Các số 1930, 1945 đều chia hết cho 5 vì có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5.</p> <p>d) Các số 1954, 1972 đều không chia hết cho 5 vì có chữ số tận cùng khác 0 và 5.</p> <p><b>* Ví dụ 2 (SGK trang 35)</b></p> <p>a) Số 1985 có chữ số tận cùng là 5</p>

<p>làm luyện tập 1, mỗi bạn một phần.</p> <p>- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng phần.</p> <p><b>* Kết luận, nhận định 2:</b></p> <p>- GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.</p> <p>- Qua Luyện tập 1, GV củng cố cho HS các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 và tính chất chia hết của một tổng.</p>	<p>nên không chia hết cho 2; số 2020 có chữ số tận cùng là 0 nên chia hết cho 2. Vậy tổng <math>1985 + 2020</math> không chia hết cho 2.</p> <p><b>b)</b> Số 1968 có chữ số tận cùng là 8 nên chia hết cho 2; số 1930 có chữ số tận cùng là 0 nên chia hết cho 2. Vậy tổng <math>1968 + 1930</math> chia hết cho 2.</p> <p><b>* Luyện tập 1 (SGK trang 35)</b></p> <p><b>1.</b></p> <p><b>a)</b> Số 1954 có chữ số tận cùng là 4 nên chia hết cho 2; số 1975 có chữ số tận cùng là 5 nên không chia hết cho 2. Vậy tổng <math>1954 + 1975</math> không chia hết cho 2.</p> <p><b>b)</b> Số 2020 có chữ số tận cùng là 0 nên chia hết cho 2; số 938 có chữ số tận cùng là 8 nên chia hết cho 2. Vậy hiệu <math>2020 - 938</math> chia hết cho 2.</p> <p><b>2.</b></p> <p><b>a)</b> Số 1945 có chữ số tận cùng là 5 nên chia hết cho 5; số 2020 có chữ số tận cùng là 0 nên chia hết cho 5. Vậy tổng <math>1945 + 2020</math> chia hết cho 5.</p> <p><b>b)</b> Số 1954 có chữ số tận cùng là 4 nên không chia hết cho 5; số 1930 có chữ số tận cùng là 0 nên chia hết cho 5. Vậy hiệu <math>1954 - 1930</math> không chia hết cho 5.</p>
---	--

**Hoạt động 2.2: Dấu hiệu chia hết cho 9, cho 3 (25 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS nhận biết dấu hiệu chia hết cho 9, cho 3; tìm được các số chia hết cho 9, cho 3. Vận dụng vào bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- Học sinh phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 9, cho 3.
- Thực hiện HD3, HD4, HD5, HD6 (SGK trang 35, 36) từ đó phát hiện và phát biểu các dấu hiệu chia hết cho 9, cho 3.
- Làm các bài tập: Ví dụ 3, ví dụ 4, luyện tập 2, luyện tập 3, vận dụng (SGK trang 35, 36).

**c) Sản phẩm:**

- HS tìm được các số chia hết cho 9, cho 3.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV lấy ví dụ số các số 180 hay số 36 chia hết cho 9 và tổng các chữ số của mỗi số đó cũng chia hết cho 9.</li> <li>GV: Các số chia hết cho 9 đều có tính chất đó không?</li> <li><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 1:</b></li> <li>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thực hiện HD3, HD4 (SGK trang 35).</li> <li><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 1:</b></li> <li>- HS thực hiện các nhiệm vụ trên.</li> <li>- HS thực hiện theo hình thức nhóm 4 vào bảng nhóm</li> <li><b>* Báo cáo, thảo luận 1:</b></li> <li>- Các nhóm treo bảng nhóm lên bảng.</li> <li>- GV yêu cầu các nhóm nhận xét chéo nhau.</li> <li><b>* Kết luận, nhận định 1:</b></li> <li>- GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả.</li> <li>- GV yêu cầu HS rút ra kết luận về số chia hết cho 9.</li> </ul>	<p><b>a) Dấu hiệu chia hết cho 9:</b></p> <p><b>* HD3 (SGK trang 35)</b>            Các số chia hết cho 9 là 27; 234.            Các số không chia hết cho 9 là 82; 195.</p> <p><b>* HD4 (SGK trang 35)</b>            Số 27 có tổng các chữ số là <math>2 + 7 = 9</math> chia hết cho 9.            Số 234 có tổng các chữ số là <math>2 + 3 + 4 = 9</math> chia hết cho 9.            Số 82 có tổng các chữ số là <math>8 + 2 = 10</math> không chia hết cho 9.            Số 195 có tổng các chữ số là <math>1 + 9 + 5 = 15</math> không chia hết cho 9.</p> <p><b>* Ghi nhớ:</b>            Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9 và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 2:</b></li> <li>- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 3, luyện tập 2 SGK trang 35.</li> <li><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 2:</b></li> <li>- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.</li> <li><b>* Báo cáo, thảo luận 2:</b></li> <li>- GV yêu cầu 1 HS đứng tại chỗ trả lời tình</li> </ul>	<p><b>* Ví dụ 3 (SGK trang 35)</b>            Số 71001 có tổng các chữ số là <math>7 + 1 + 0 + 0 + 1 = 9</math> chia hết cho 9 nên 71001 chia hết cho 9.</p>

<p>huống mở đầu ở Ví dụ 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HS làm xong nhanh nhất lên chữa Luyện tập 2.</li> <li>- HS cả lớp theo dõi, GV gọi một vài HS khác nêu kết quả của mình và nhận xét bài bạn làm.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.</li> <li>- GV củng cố cho HS việc áp dụng dấu hiệu chia hết cho 9.</li> </ul> <p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động theo nhóm 4 thực hiện yêu cầu của phần vận dụng trang 36.</li> </ul> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức nhóm 4 bằng kỹ thuật khăn trải bàn.</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm treo bảng phụ sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác quan sát và đánh giá.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả.</li> <li>- GV củng cố cho HS việc áp dụng dấu hiệu chia hết cho 9 vào bài toán thực tế.</li> </ul>	<p><b>* Luyện tập 2 (SGK trang 35)</b></p> <p>Ta có tổng các chữ số của số <math>\overline{12^*}</math> là <math>1+2+*=3+*</math></p> <p>Để <math>\overline{12^*}</math> chia hết cho 9 thì <math>3+*</math> chia hết cho 9, do <math>*</math> là một chữ số nên <math>* \in \{6\}</math></p> <p>Vậy <math>* \in \{6\}</math>.</p> <p><b>* Vận dụng (SGK trang 36)</b></p> <p>Số 108 có tổng các chữ số là 9 nên <math>108:9</math></p> <p>Do vậy bác nông dân sẽ trồng được các cây dứa thành hàng mà 2 cây cách đều nhau <math>9m</math>.</p> <p>Bác nông dân cần số cây dứa là <math>108:9+1=13</math>(cây).</p>
<p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thực hiện HĐ5, HĐ6 (SGK trang 36).</li> </ul> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện các nhiệm vụ trên.</li> <li>- HS thực hiện theo hình thức nhóm 4 vào bảng nhóm.</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm treo bảng nhóm lên bảng.</li> <li>- GV yêu cầu các nhóm nhận xét chéo nhau.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định 4:</b></p>	<p><b>b) Dấu hiệu chia hết cho 3</b></p> <p><b>* HĐ5 (SGK trang 36)</b></p> <p>Các số chia hết cho 3 là 42; 234.</p> <p>Các số không chia hết cho 3 là 80; 191.</p> <p><b>* HĐ6 (SGK trang 36)</b></p> <p>Số 42 có tổng các chữ số là <math>4+2=6</math> chia hết cho 3.</p> <p>Số 234 có tổng các chữ số là <math>2+3+4=9</math> chia hết cho 3.</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả.</li> <li>- GV yêu cầu HS rút ra kết luận về số chia hết cho 3.</li> <li>- GV trình bày lời giải mẫu ở ví dụ 4 SGK trang 36 cho HS.</li> </ul>	<p>Số 80 có tổng các chữ số là <math>8+0=8</math> không chia hết cho 3.</p> <p>Số 191 có tổng các chữ số là <math>1+9+1=11</math> không chia hết cho 3.</p> <p><b>* Ghi nhớ:</b>          Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.</p> <p><b>* Ví dụ 4: (SGK trang 36)</b></p> <p>a) Các số 4683, 3576 đều chia hết cho 3 vì có tổng các chữ số chia hết cho 3.</p> <p>b) Các số 4321, 1975 đều không chia hết cho 3 vì có tổng các chữ số không chia hết cho 3.</p>
<p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động cá nhân làm Luyện tập 3 SGK trang 36.</li> </ul> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm bài theo cá nhân thực hiện nhiệm vụ trên.</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HS làm xong nhanh nhất lên chữa Luyện tập 3.</li> <li>- HS cả lớp theo dõi, GV gọi một vài HS khác nêu kết quả của mình và nhận xét bài bạn làm.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định 5:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.</li> <li>- GV củng cố cho HS việc áp dụng dấu hiệu chia hết cho 3.</li> </ul>	<p><b>* Luyện tập 3 (SGK trang 35)</b></p> <p>Số <math>\overline{12*5}</math> có tổng các chữ số là <math>1+2+*+5=8+*</math></p> <p>Để <math>\overline{12*5}</math> chia hết cho 3 thì <math>8+*</math> chia hết cho 3, do <math>*</math> là một chữ số nên <math>* \in \{1; 4; 7\}</math></p> <p>Vậy <math>* \in \{1; 4; 7\}</math>.</p>

►► **Hướng dẫn tự học ở nhà: (2 phút)**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.
- Học thuộc: các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.

- Nghiên cứu phần Thử thách nhỏ.
- Làm bài tập 2.10 đến 2.14 SGK trang 37.
- Đọc nội dung phần "Em có biết" SGK trang 37.

**Tiết 2:**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (40 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9 để làm các bài tập về quan hệ chia hết, giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:** Làm bài tập 2.10 đến 2.16 SGK trang 37.

**c) Sản phẩm:** Lời giải bài tập 2.10 đến 2.16 SGK trang 37.

**d) Tổ chức thực hiện:**

<b>Hoạt động của GV và HS</b>	<b>Nội dung</b>
<p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS phát biểu các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.</li> <li>- Làm các bài tập: 2.10; 2.11 (SGK trang 37)</li> </ul> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu 1 HS phát biểu các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.</li> <li>- GV yêu cầu lần lượt: 1 HS lên bảng làm bài tập 2.10, 1 HS lên bảng làm bài tập 2.11.</li> <li>- GV yêu cầu một vài HS dưới lớp giải thích.</li> <li>- Cả lớp quan sát và nhận xét.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.</li> <li>- GV củng cố lại các dấu hiệu chia hết.</li> </ul>	<p><b>Dạng 1: Tìm các số chia hết cho 2 ; cho 5 ; cho 3 ; cho 9.</b></p> <p><b>Bài tập 2.10 (SGK trang 37)</b>                      Các số chia hết cho 2 là 324; 248; 2020.                      Các số chia hết cho 5 là 2020; 2025.</p> <p><b>Bài tập 2.11 (SGK trang 37)</b>                      Các số chia hết cho 3 là 450; 123; 2019; 2025.                      Các số chia hết cho 9 là 450; 2025.</p>
<p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 2</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm Bài tập 2.14 (SGK trang 37)</li> <li>- Làm bài tập bổ sung:                      Tìm <math>x, y</math> để được số <math>\overline{x13y}</math> có 4 chữ số chia</li> </ul>	<p><b>Dạng 2: Tìm các chữ số của một số thỏa mãn điều kiện chia hết</b></p> <p><b>Bài tập 2.14 (SGK trang 37)</b></p>



<p>hết cho cả 3 và 5.</p> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện yêu cầu trên.</li> <li>- Hướng dẫn, hỗ trợ: Sử dụng các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu 4 HS lên bảng trình bày bài tập 2.14, 1 HSK – G lên bảng trình bày bài tập bổ sung. Mỗi HS một phần.</li> <li>- Cả lớp quan sát và nhận xét.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.</li> </ul> <p>GV lưu ý: Khi dấu * ở chữ số đầu tiên của số cần tìm chưa biết thì có thể chữ số đó không nhận giá trị bằng 0.</p>	<p>a) Số <math>\overline{345*}</math>:2 khi <math>* \in \{0; 2; 4; 6; 8\}</math>.</p> <p>b) Số <math>\overline{345*}</math>:3 khi <math>3 + 4 + 5 + * = (12 + *) : 3</math>          Vậy <math>* \in \{0; 3; 6; 9\}</math>.</p> <p>c) Số <math>\overline{345*}</math>:5 khi <math>* \in \{0; 5\}</math>.</p> <p>d) Số <math>\overline{345*}</math>:9 khi  <math>3 + 4 + 5 + * = (12 + *) : 9</math>          Vậy <math>* \in \{6\}</math>.</p> <p><b>Bài tập bổ sung:</b> Tìm * để được số <math>\overline{*135}</math> có 4 chữ số chia hết cho cả 3 và 5.</p> <p><b>Giải:</b></p> <p>Ta thấy số <math>\overline{*135}</math> có tận cùng là 5 nên luôn chia hết cho 5.</p> <p>Do đó số <math>\overline{*135}</math> có 4 chữ số chia hết cho cả 3 và 5 khi số <math>\overline{*135}</math> là số có 4 chữ số chia hết cho 3 hay <math>* + 1 + 3 + 5 = * + 9</math> chia hết cho 3 và * khác 0.</p> <p>Vậy <math>* \in \{3; 6; 9\}</math>.</p>
<p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài tập 2.15, 2.16 SGK trang 37 theo nhóm 4.</li> </ul> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4.</li> <li>- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV làm mẫu bài 2.15 a).</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm nhanh nhất lên bảng trình bày.</li> <li>- Cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.</li> </ul>	<p><b>Dạng 3: Lập các số chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9 từ những chữ số cho trước:</b></p> <p><b>Bài tập 2.15 (SGK trang 37)</b></p> <p>Từ các chữ số 3; 0; 4.</p> <p>a) Các số có 3 chữ số khác nhau và chia hết cho 2 là 304; 340; 430.</p> <p>b) Các số có 3 chữ số khác nhau và chia hết cho 5 là 340; 430.</p> <p><b>Bài tập 2.16 (SGK trang 37)</b></p> <p>Từ các chữ số 5; 0; 4; 2 ta thấy số có 3 chữ số khác nhau và chia hết cho 3 chỉ có thể có 3 chữ số là 5; 0; 4 hoặc 0; 4; 2.</p> <p>Do vậy các số cần tìm chỉ có thể là</p>

	405; 450; 504; 540; 240; 204; 402; 420.
<p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập 4:</b>                  - Làm bài tập 2.12, 2.13 (SGK trang 37) theo cặp (3 phút).</p> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ 4:</b>                  - HS đọc, tóm tắt đề bài và làm bài theo cặp.                  - Hướng dẫn, hỗ trợ: Xét xem các số 290 và 162 có chia hết cho 9 không?</p> <p><b>* Báo cáo, thảo luận 4:</b>                  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm có lời giải 2 bài tập lên bảng trình bày.                  - Cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.</p> <p><b>* Kết luận, nhận định 4:</b>                  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.</p>	<p><b>Dạng 4: Bài toán thực tế:</b></p> <p><b>Bài tập 2.12 (SGK trang 37)</b>                  Vì 290 không chia hết cho 9 nên không chia đều số HS thành 9 nhóm được.</p> <p><b>Bài tập 2.13 (SGK trang 37)</b>                  Vì 162 chia hết cho 9 nên các đội đều có đủ 9 HS.</p>

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng được các dấu hiệu chia hết để nhận biết một số chia hết cho 2; 5; 3; 9 không, giải bài toán có nội dung thực tế.

**b) Nội dung:**

- HS làm bài tập phần Thử thách nhỏ (SGK trang 36).
- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân bài tập: 2.16; 2.17; 2.18; 2.19 (SBT trang 34).

**c) Sản phẩm:**

- Tìm ra con đường giúp Hà đến được siêu thị.
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**►► Giao nhiệm vụ 1:**

- Yêu cầu HS hoạt động nhóm bài tập Thử thách nhỏ.
- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**►► Giao nhiệm vụ 2: Yêu cầu HS thực hiện cá nhân.**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.
- Học thuộc: các dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.

- Làm các bài tập: 2.18; 2.19; 2.20 (SBT trang 34).
- Hướng dẫn, hỗ trợ: Ở bài tập 2.19 (SBT trang 34): Để số  $n = \overline{323ab}$  vừa chia hết cho 5, vừa chia hết cho 9 thì ta vận dụng dấu hiệu chia hết cho 5 tìm  $b$ , sau đó vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 tìm  $a$ .
- Chuẩn bị giờ sau: Các em mang kéo, giấy và đọc trước nội dung Bài 10: Số nguyên tố (SGK trang 38).